TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày: 21- 01- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Xuân
Bà Bùi Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

NGUYỄN THẾ H, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1994 tại thành phố Hòa Bình – Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến V và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2018, tạm giam từ ngày 27/01/2018. Có mặt tại phiên tòa.

TRẦN ANH H, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1984 tại thành phố Hòa Bình – Hòa Bình. Nơi cư trú: Tổ 2x, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tiến B (đã chết) và bà Phan Thị T (đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị G và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 27/4/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 06 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản". Ngày 30/01/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2018, tạm giam từ ngày 27/01/2018. Có mặt tại phiên tòa.

LẠI QUỐC V, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1981 tại thành phố Hòa Bình – Hòa

Bình. Nơi cư trú: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Quang V và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Kim A và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/3/2003 bị Công an thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 24/4/2003 bị Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử lý vi phạm hành chính bằng biện pháp Đưa vào cơ sở giáo dục với hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 20/01/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 31/8/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 26/3/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 19/11/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/01/2018. Có mặt tại phiên tòa.

TRỊNH VIỆT T, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1981 tại Lạc Sơn – Hòa Bình. Nơi cư trú: Phố L 1, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Hồng V (đã chết) và bà Dương Thị D; bị cáo đã ly hôn vợ là Hoàng Thị H và có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2018, tạm giam từ ngày 29/01/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

NGUYỄN ĐỨC A, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1997 tại Mỹ Đức – thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Đội x thôn Đ, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ và bà Vũ Thị N; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2018. Có mặt tại phiên tòa.

ĐINH VĂN H (tên gọi khác là Đinh Minh T), sinh ngày 19 tháng 02 năm 1979 tại Tân Lạc– Hòa Bình. Nơi cư trú: Tiểu khu 1x, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn D và bà Phạm Thị L; bị cáo đã ly hôn vợ là Phạm Thị V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2018, tạm giam từ ngày 27/01/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

PHAN HỒNG Q, sinh ngày 03 tháng 6 năm 1969 tại thành phố Hòa Bình– Hòa Bình. Nơi cư trú: Tổ x, phường C, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành C và bà La Thị H; bị cáo đã ly hôn vợ là Trần Thị Bích L và có 01 con sinh; tiền án, tiền sự: Không; bị

cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2018. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Hồng Q:* Ông Phan Thành C, sinh năm 1936. Cư trú tại: Số xx Tổ x, phường C, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Hồng Q:* Ông Lỗ Hữu T – Luật sư Văn phòng Luật sư Lỗ Hữu T – Đoàn Luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Bùi Thanh S, sinh năm 1966. Cư trú tại: Xóm B, xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Đào Xuân H, sinh năm 1970. Cư trú tại: Khu x, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1984. Cư trú tại: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Công ty TNHH một thành viên HT. Địa chỉ trụ sở: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H – Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

Nguyễn Kim A, sinh năm Cư trú tại: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. Đều cư trú tại: Xóm Đ, xã D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1979. Cư trú tại: Xóm x, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Anh Đinh Công Đ, sinh năm 1997. Cư trú tại: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Chị Bùi Thị A, sinh năm 1993. Cư trú tại: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Phạm Thái H, sinh năm 1969. Có mặt.

Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Vũ Việt T, sinh năm 1976. Có mặt.

Phạm Văn M, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Nguyễn Thị T, sinh năm 1979. Có mặt.

Nguyễn Thị X, sinh năm 1956. Vắng mặt.

Bùi Hồng S, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Nguyễn Văn B, sinh năm 1957. Có mặt.

Phạm Thị N, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Bùi Thị H, sinh năm 1982. Có mặt.

Nguyễn Đức P, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Bùi Xuân C, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Xóm T, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Phạm Anh T – Công an viên xóm T, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bùi Văn K – Trưởng Công an xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thế H (H1), Trần Anh H (H2) và Nguyễn Thanh T là những người làm việc cho cửa hàng cho thuê ôtô, xe máy của Lại Quốc V tại địa chỉ khu x, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Nguyễn Thế H là người được Lại Quốc V giao quản lý cửa hàng. Ngày 08/01/2018, sau khi kiểm tra, rà soát sổ sách phát hiện thấy ông Bùi Thanh S còn nợ cửa hàng số tiền vay là 6.000.000 *(Sáu triệu)* đồng và lâu ngày không trả lãi, Nguyễn Thế H bảo Trần Anh H và Nguyễn Thanh T vào nhà ông S chốt nợ. H2 và T đi vào nhà ông S bằng xe môtô BKS 28S5-6xxx với mục đích đòi nợ. Đến nhà ông S thấy ông S có ở nhà nên H2 hỏi ông S "Ông có tiền trả nợ chưa?". Ông S trả lời là không có tiền. Nghe vậy, T nói "Ông ra ngoài quán để chốt nợ". Nói xong, H2 và T buộc ông S lên xe môtô chở về cửa hàng cho thuê ôtô, xe máy. Đưa ông S đến cửa hàng vào lúc 9 giờ 30 phút cùng ngày thì có Nguyễn Thế H ở tại cửa hàng, phía sau bếp cửa hàng có Bùi Thế K. Sau đó, H2 đi ra sau cửa hàng đi vệ sinh còn T đi ra ngoài. H1 đang ngồi ở bàn máy tính đi đến chỗ ông S hỏi ông S "Ông nợ tiền không định trả à?". Ông S nói rằng chưa có tiền trả. Bực tức vì ông S không trả tiền gốc và lãi cho cửa hàng nên Nguyễn Thế H đã dùng tay phải tát 02 phát vào mặt ông S và yêu cầu ông S trả tiền cho cửa hàng. Ông S bị đánh nên sợ không có phản ứng gì. Trần Anh H đi vệ sinh xong quay lại thấy H1 đang chỉ tay vào mặt ông S. Thấy H2 quay ra, H1 trở về bàn máy tính, cách chỗ ông S ngồi 02m, chơi điện tử. H2 tiến đến hỏi ông S "Ông có tiền không?". Ông S trả lời "Không có". H2 hỏi ông S tiếp "Có ví không?". Ông S trả lời là có và dùng tay phải lấy ví ở túi quần sau đưa cho H2. H2 lấy hết số tiền trong ví rồi trả ví lại cho ông S, đồng thời dùng tay phải tát mạnh một phát vào mặt ông S; vừa tát vừa quát to "Đây không là tiền thì là cái gì?!". H2 đếm số tiền lấy được từ ví ông S là 800.000 *(Tám trăm nghìn)* đồng và đưa cho H1 khi đó vẫn đang ngồi ở bàn máy tính. H1 hỏi "Bao nhiêu?" thì H2 nói là "Tám trăm nghìn". H1 cầm tiền đút vào túi quần bò phía sau bên phải đang mặc và tiếp tục ngồi chơi điện tử. Một lúc sau, H1 đứng dậy đi vệ sinh thì lấy số tiền 800.000 đồng cất vào tủ của cửa hàng. Bùi Thế K có biết H1, H2 và ông S ở cửa hàng phía trước nhưng do mải nấu ăn dưới bếp nên K không nắm rõ sự việc trên cửa hàng như thế nào.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Lại Quốc V đi về cửa hàng thấy ông S là người lạ nên hỏi H1 "Ai đây?". H1 trả lời "Ông này nợ tiền của cửa hàng". H1 và V đi xuống bếp ăn cơm, V lại hỏi H1 "Ông ấy trả được tý nào chưa?". H1 nói "Ông ấy trả được tám trăm". V không nói gì và cùng H1, T, K, H2 ăn cơm trưa tại bếp. Ăn cơm xong, V gọi điện thoại cho Trịnh Việt T, là chủ quán cầm đồ tại chợ Vó thuộc xóm T, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Việt nói "Có khách nợ xấu đưa xuống làm việc, đưa xuống Lạc Sơn giao cho bạn, bao giờ có tiền trả thì cho về". T nói "Ừ, cứ đưa xuống". Sau đó, V bảo H1 đưa ông S xuống quán tại huyện L giao cho T. H1 nói với H2 và bảo H2 cùng đi. H2 đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, H1 điều khiển xe ôtô BKS 28A-04xxx cùng H2 đưa ông S đi huyện L. Trên đường đi, thấy Đinh Công Đ đang ăn cơm tại quán cơm ở khu x, thị trấn M, huyện T thì H1 hạ cửa kính xe gọi "Đ ơi đi chơi với anh tý". Nghe H1 gọi, Đ lên xe và đi cùng. Lên xe, Đ có hỏi H1 "Đi đâu thế anh?". H1 nói "Đi xuống huyện L một lúc rồi về" mà không nói mục đích đưa ông S đến huyện L giao cho quán cầm đồ của T. Trên đường đi, H1 gọi điện thoại cho Nguyễn Đức A là chủ quán cầm đồ tại xóm N, xã X, huyện L, tỉnh Hòa Bình là "Tý anh xuống chơi". Ngay sau đó, Trịnh Việt T cũng gọi điện thoại cho Nguyễn Đức A nói là "Tý anh em huyện T mang người nợ xấu xuống". Đức A nói là "Mang xuống Vó thôi, trên quán không có người trông". T nói "Tùy em, tính thế nào thì tính".

Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm của H1 đưa ông S đến quán cầm đồ của Nguyễn Đức A. Đức A có nói với H1 đưa ông S đến quán cầm đồ ở chợ Vó do quán cầm đồ của Đức A không có người trông. H1 đồng ý. Sau đó, H1 bảo H2 bắt ông S viết giấy nhận nợ với số tiền là 12.000.000 *(Mười hai triệu)* đồng. Nói xong H1 đi vào phòng trong của quán để ngủ. H2 bắt ông S viết giấy nhận nợ với số tiền 13.000.000 *(Mười ba triệu)* đồng để khi ông S trả thì dư 1.000.000 đồng H2 sẽ lấy cho cá nhân. Nội dung giấy vay tiền do H2 đọc cho ông S viết. Viết xong, H2 cất giấy nhận nợ vào ngăn kéo bàn của quán cầm đồ. Sau đó, Đức A vào lấy chìa khóa xe ôtô của H1 rồi cùng H2 và Đ đưa ông S đến quán cầm đồ của Trịnh Việt T.

Khoảng 14 giờ 30 phút, H2, Đức A và Đ đưa ông S đến quán cầm đồ của Trịnh Việt T tại chợ Vó. Lúc này tại quán có Đinh Văn H (H3) (tức Đinh Minh T) và Phan Hồng Q là nhân viên của quán. H2, Đức A giao ông S cho H3 và Q đồng thời H2 nói với H3 "Anh trông giữ người này giúp em, để đây làm việc đến khi nào có tiền trả thì cho về". H3, Q không nói gì và đưa ông S vào trong quán. Đ lúc này ngồi trên xe ôtô. Giao người xong, cả nhóm quay về quán cầm đồ của Đức A, gọi H1 dậy và về cửa hàng của Lại Quốc Vt ở khu x thị trấn M, huyện T. Đức A ở lại quán của mình tại xóm N, xã X, huyện L. Trước đó, T có gọi điện thoại cho H3 thông báo về việc cửa hàng tại huyện T mang người nợ xấu đến, yêu cầu H3 và Q trông giữ cẩn thận.

Sau khi nhận người, H3 gọi điện thoại cho T thông báo đã nhận người ở huyện T đưa đến. T nói với H3 là xem ông này nợ ở quán huyện T bao nhiêu tiền, đã có giấy tờ gì chưa, chưa có giấy tờ thì bắt viết đơn xin ở lại làm việc, trong đơn ghi rõ số nợ cụ thể. H3 liền bắt ông S viết đơn xin làm việc có nội dung: ông S còn

nợ H3 số tiền 14.000.000 đồng, tự nguyện ở lại làm việc cho đến khi nào trả hết nợ thì thôi. Khoảng 19 giờ ngày 08/01/2018, H3 và Q có bắt ông S vào phòng ngủ của quán cầm đồ tại chợ V, xã N, huyện L. H3 bắt ông S ngồi trên giường đồng thời dùng tay tát vào mặt ông S một phát. Q dùng ống nhựa vụt hai phát vào lưng ông S. Trong quá trình đó, H3 nói với ông S "Ông nợ tiền lâu rồi, lo mà trả đi". Sau đó, H3 và Q đi ra ngoài. Đến khoảng 14 giờ ngày 14/01/2018, Trịnh Việt T đi dự đám cưới về quán trong tình trạng say rượu. T gọi ông S vào phòng ngủ của quán và dùng ống nhựa vụt mạnh vào vai ông S một phát và nói "Giờ tiền nong như thế nào, có định trả hay không?". H3 vào buồng thấy T đánh ông S thì cũng dùng dây thắt lưng ở trên giường vụt hai phát vào lưng ông S. Sau đó, T đuổi H3 ra ngoài, một mình ngồi trong phòng nói chuyện với ông S và có dùng một con dao chỉ vào mặt ông S dọa để ông S trả tiền. Ông S tiếp tục bị H3, Q giữ tại quán. Đến ngày 16/01/2018, ông Bùi Văn B là bố đẻ của Bùi Thanh S trình báo Công an về việc Bùi Thanh S bị người khác đưa đi không thấy trở về. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình phối hợp với Công an huyện Tân Lạc đã tiến hành giải cứu Bùi Thanh S khỏi quán cầm đồ của Trịnh Việt T. Nguyễn Thế H (H1), Trần Anh H (H2), Nguyễn Đức A và Đinh Văn H (H3) bị bắt khẩn cấp ngày 18/01/2018. Phan Hồng Q, Lại Quốc V và Trịnh Việt T ra đầu thú vào các ngày 18, 19 và 20/01/2018.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 11/PY-GĐTT, ngày 23/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Hòa Bình kết luận Bùi Thanh S bị trấn thương vùng mặt, tay trái, vai trái, lưng phải, đùi trái do vật tày tác động gây tổn thương phần mềm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng gồm: 01 xe môtô hãng Honda, nhãn hiệu Future Neo, BKS 28S5-6xxx; 01 con dao Inox, dài 69 cm, phần lưỡi dao dài 57 cm, bản dao rộng 04 cm, một lưỡi sắc, đầu dao bằng; 01 đoạn ống nhựa một đầu gãy, dài 60,5 cm, đường kính 02 cm; 01 đầu mẩu ống nhựa dài khoảng 03 cm, đường kính 02 cm; 01 thắt lưng màu nâu; 01 quyển sổ viết màu đen bên trong có ghi Đơn xin làm việc Bùi Thanh S viết ngày 08/01/2018; 01 xe ôtô taxi BKS 28A-04xxx; 800.000 đồng tiền khắc phục hậu quả của Nguyễn Thế H do Bùi Thị A giao nộp. Đối với xe ôtô taxi BKS 28A-04xxx đã được Cơ quan điều tra trả lại cho Công ty TNHH một thành viên H; chiếc xe môtô BKS 28S5-6xxx được trả lại cho ông Trần Văn Đ. Các vật chứng còn lại được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Tất cả các bị cáo đã bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông Bùi Thanh S tổng số tiền là 25.000.000 *(Hai mươi lăm triệu)* đồng. Ông Bùi Thanh S chấp nhận mức bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 48/CT-VKS-P2, ngày 20/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H về tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 BLHS 2015 và tội Giữ người trái pháp luật theo

khoản 1 Điều 157 BLHS 2015. Truy tố các bị cáo Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Đinh Văn H (tức Đinh Minh T), Nguyễn Đức A và Phan Hồng Q về tội Giữ người trái pháp luật theo khoản 1 Điều 157 BLHS 2015.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo Phan Hồng Q bị bệnh nặng. Tại Bản kết luận giám định tình trạng sức khỏe số 01/PY-GĐSK, ngày 02/01/2019 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Hòa Bình kết luận Phan Hồng Q hiện tại chết não sống kiểu thực vật; tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh tật gây nên là 100%. Bị cáo Phan Hồng Q không thể đến phiên tòa. Tòa án đã chỉ định người bào chữa cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Đinh Văn H (tức Đinh Minh T), Nguyễn Đức A đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã phản ánh; các bị cáo nhận tội, không kêu oan và xin được giảm nhẹ mức hình phạt; các bị cáo Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A và Đinh Văn H xin được hưởng án treo. Bị hại giữ nguyên ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Hồng Q tại phiên tòa thừa nhận cáo trạng truy tố về tội danh, điều khoản pháp luật áp dụng đối với Phan Hồng Q và các bị cáo khác là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, hiện nay Phan Hồng Q đang bị bệnh rất nặng làm mất khả năng nhận thức, sống kiểu thực vật, không còn khả năng gây nguy hại cho xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho Phan Hồng Q.

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo đã có ý thức khắc phục hậu quả gây ra; đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho tất cả các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A, Đinh Văn H và Phan Hồng Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với Lại Quốc V, Trịnh Việt T và Phan Hồng Q đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo này vì đã đầu thú theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H phạm tội Cướp tài sản; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H từ 36 đến 42 tháng tù, xử phạt Trần Anh H từ 38 đến 45 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Lại Quốc V; căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A, Đinh Văn H và Phan Hồng Q đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A, Đinh Văn H và Phan Hồng Q phạm tội Giữ người trái pháp luật. Đề nghị xử phạt Lại Quốc V, Trịnh Việt T từ 24 đến 30 tháng tù, Đinh Văn H từ 18 đến 24 tháng tù, Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Nguyễn Đức A từ 06 tháng đến 12 tháng tù. Các bị cáo Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A, Đinh Văn H bị đề nghị xử

phạt dưới 03 năm tù, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 BLHS. Đối với Phan Hồng Q vì bệnh nặng, mất năng lực hành vi dân sự, không còn nguy hiểm cho xã hội nên đề nghị HĐXX miễn trách nhiệm hình sự cho Phan Hồng Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 BLHS. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo bị xét xử về tội Cướp tài sản. Về vật chứng của vụ án: các vật chứng đã trao trả đều đúng chủ sở hữu và hợp pháp nên đề nghị không xem xét; các vật chứng còn lại đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bị hại khai thêm là các bị cáo Trịnh Việt T, Đinh Văn H còn giữ của bị hại 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nay yêu cầu các bị cáo này bồi thường với số tiền là 1.000.000 *(Một triệu đồng)*. Các bị cáo T, H3 thừa nhận có giữ chiếc điện thoại của bị hại nhưng hiện không còn vì điện thoại đã hỏng và mỗi bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại 500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các bị cáo khác, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo bị truy tố về tội Cướp tài sản:* Trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Anh H bị truy tố về tội Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 BLHS. Xét, ngày 08/01/2018, tại cửa hàng cho thuê xe ôtô, xe máy tại khu x, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình, Nguyễn Thế H, Trần Anh H đã có hành vi dùng tay tát vào mặt ông Bùi Thanh S; H1 tát hai phát, H2 tát một phát và yêu cầu ông S đưa tiền. Hành vi dùng vũ lực nêu trên của H1 và H2 đã xảy ra ngay tức khắc và liên tục, tác động trực tiếp vào cơ thể, sức khỏe ông S làm ông S sợ hãi, lâm vào tình trạng không thể chống cự được và buộc phải đưa tiền cho các bị cáo; số tiền các bị cáo chiếm đoạt được là 800.000 đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo không mâu thuẫn nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi này của các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước, không có sự phân công nhau nên không coi là có tổ chức và các tình tiết định khung khác quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 168 BLHS. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H đã đủ yêu tố cấu thành tội Cướp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS. Cáo trạng truy tố Nguyễn Thế H, Trần Anh

H theo tội danh và điều khoản pháp luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo về tội Giữ người trái pháp luật:* Từ ngày 08/01/2018 đến ngày 16/01/2018, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi đưa ông Bùi Thanh S đến và giữ ông Bùi Thanh S tại quán cầm đồ ở chợ V, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình; bắt ông S làm việc trái ý muốn của ông S, xâm phạm sức khỏe, thân thể ông S. Các bị cáo đều không có quyền hạn, chức vụ pháp luật cho phép thực hiện hành vi giữ người; ông Bùi Thanh S không thuộc trường hợp dưới 16 tuổi. Các bị cáo thực hiện hành vi cùng nhau, tiếp nhận ý trí của nhau một cách thụ động, giản đơn, không có tổ chức và cũng không có các tình tiết định khung theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 157 BLHS. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với là khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo phạm vào tội Giữ người trái pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo điều khoản pháp luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối các bị cáo:* Đối với tội Cướp tài sản: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Thế H, Trần Anh H không có sự bàn bạc từ trước, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ với nhau nên các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, Trần Anh H sau khi thấy Nguyễn Thế H đánh ông S thì tiếp tục và là người trực tiếp dùng vũ lực và chiếm đoạt tài sản từ ông S nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn Nguyễn Thế H. Còn Nguyễn Thế H là người dùng vũ lực trước đối với ông S làm ông S sợ hãi và khi thấy H2 đến thì bỏ đi ra bàn ngồi cách chỉ có 02m nhưng để mặc Trần Anh H dùng vũ lực với ông S. Sau khi H2 lấy được tiền từ ông S thì H 1 là người tiếp nhận và giữ tiền nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Đối với tội Giữ người trái pháp luật: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do thân thể; quyền con người cũng như quyền tự do, dân chủ của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an nhiều địa phương và gây hoang mang, bất bình trong nhân dân. Các bị cáo cũng thực hiện hành vi phạm tội cùng nhau nhưng không có bàn bạc cụ thể từ trước, không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án, nổi lên vai trò chính là bị cáo Lại Quốc V và Trịnh Việt T; hai bị cáo là hai chủ cửa hàng, các bị cáo khác ngoài Nguyễn Đức A, đều là nhân viên của V và T. Lại Quốc V sau khi biết ông S là người nợ xấu đã chủ động gọi điện cho T và nảy sinh ý định giao ông S cho quán của T trông giữ. Trịnh Việt T sau khi nhận điện thoại của V đã chỉ đạo Đinh Văn H và Phan Hồng Q giữ ông S tại quán, bản thân T cũng là người hành hung, dọa nạt ông S. Do đó, Lại Quốc V và Trịnh Việt T phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo khác trong tội Giữ người trái pháp luật. Đối với Đinh Văn H, Phan Hồng Q là những người tiếp nhận ý trí từ Trịnh Việt T và trực

tiếp thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, thực hiện hành hung ông S nên phải chịu trách nhiệm hình sự nhẹ hơn so với Lại Quốc V và Trịnh Việt T. Đối với Nguyễn Thế H, Trần Anh H và Nguyễn Đức A là đồng phạm giúp sức; là những người trực tiếp đưa ông Bùi Thanh S đến nơi giữ người trái pháp luật. Do đó các bị cáo này phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội gây ra.

[5] *Về năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo:* Các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Lại Quốc V, Nguyễn Đức A và Đinh Văn H là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Xuất phát từ nhu cầu làm ăn kinh tế nhưng các bị cáo đã dùng những thủ đoạn, hành vi pháp luật cấm để đạt mục đích, coi thường sức khỏe, tài sản và quyền tự do của người khác. Do vậy cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng vai trò của từng bị cáo trong vụ án để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Phan Hồng Q khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, hiện tại bị cáo bị bệnh nặng làm mất khả năng nhận thức; chết não và sống kiểu thực vật; tỷ lệ tổn thương cơ thể là 100%. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Q không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa; việc cải tạo, giáo dục bị cáo không còn tác dụng nên sẽ xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phan Hồng Q theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 29 của Bộ luật hình sự 2015.

[6] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã chủ động bồi thường cho bị hại 25.000.000 đồng; bị hại chấp nhận mức thỏa thuận bồi thường, không có yêu cầu gì và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn ăn, hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với Trịnh Việt T, Đinh Văn H, Nguyễn Đức A và Phan Hồng Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Phan Hồng Q đã có hành vi đầu thú. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các hành vi này theo các quy định của BLHS về việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Xét các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H đều là lao động tự do, không có tài sản, thu nhập chỉ đủ đáp ứng nhu cầu sinh sống nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[8] *Về vật chứng của vụ án:* Đối với các vật chứng Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu; Xét các chủ sở hữu là hợp pháp; chủ tài sản không liên quan đến vụ án, việc trả lại tài sản không có khiếu nại, tố cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các vật chứng còn lại là 800.000 đồng bị cáo Nguyễn Thế H và Trần Anh H chiếm đoạt của bị hại nên cần trả lại cho bị hại; đối với 01 con dao Inox; 01 đoạn ống nhựa; 01 đầu mẩu ống nhựa; 01 dây thắt lưng; 01 quyển sổ viết màu đen bên trong có ghi Đơn xin làm việc Bùi Thanh S viết ngày 08/01/2018 là công cụ phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Việt T, Đinh Văn H thừa nhận có giữ của bị hại 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng và chấp nhận mức bồi thường 1.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Đối với các bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về án phí:* Các bị cáo là những người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Phan Hồng Q hiện sống thực vật, không có khả năng nhận thức và phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ là người cao tuổi nên cần miễn án phí cho bị cáo. Đối với án phí dân sự về việc bồi thường thiệt hại thì các bị cáo Trịnh Việt T, Đinh Văn H thỏa thuận được mức bồi thường với bị hại nhưng tại phiên tòa nên các bị cáo vẫn phải chịu án phí dân sự theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H; Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, 58 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Lại Quốc V; căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51, 58 BLHS đối với Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A, Đinh Văn H (tức Đinh Minh T); căn cứ Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A và Đinh Văn H; căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm b, s, i khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 29 BLHS đối với Phan Hồng Q.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H phạm tội Cướp tài sản. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Nguyễn Đức A, Đinh Văn H (tức Đinh Minh T) và Phan Hồng Q phạm tội Giữ người trái pháp luật.

2. Xử phạt Nguyễn Thế H 36 (Ba sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản, 06 (Sáu) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Thế H phải chịu hình phạt chung là 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/01/2018.

3. Xử phạt Trần Anh H 38 (Ba mươi tám) tháng tù tội Cướp tài sản, 06 (Sáu) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật. Tổng hợp hình phạt bị cáo Trần Anh H phải chịu hình phạt chung là 44 (Bốn mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/01/2018.

4. Xử phạt Lại Quốc V 26 (Hai mươi sáu) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lại Quốc V cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

5. Xử phạt Trịnh Việt T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trịnh Việt T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

6. Xử phạt Đinh Văn H (tức Đinh Minh T) 20 (Hai mươi) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đinh Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

7. Xử phạt Nguyễn Đức A 09 (Chín) tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Đức A cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Các bị cáo được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù đã cho hưởng án treo.

8. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phan Hồng Q về tội Giữ người trái pháp luật.

9. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị hại Bùi Thanh S 800.000 *(Tám trăm nghìn)* đồng số tiền mà cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H đã chiếm đoạt của ông Bùi Thanh S.

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng là 01 con dao Inox, dài 69 cm, phần lưỡi dao dài 57 cm, bản dao rộng 04 cm, một lưỡi sắc, đầu dao bằng; 01 đoạn ống nhựa một đầu gãy, dài 60,5 cm, đường kính 02 cm; 01 đầu mẩu ống nhựa dài khoảng 03 cm, đường kính 02 cm; 01 thắt lưng màu nâu; 01 quyển sổ viết màu đen bên trong có ghi Đơn xin làm việc Bùi Thanh S viết ngày 08/01/2018.

(Các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho số NK(2019)004 ngày 29/11/2018).

10. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Trịnh Việt T, Đinh Văn H (tức Đinh Minh T) có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Bùi Thanh S 1.000.000 *(Một triệu đồng)* giá trị chiếc

điện thoại di động các bị cáo đã giữ và làm mất của ông Bùi Thanh S (mỗi bị cáo phải bồi thường 500.000 đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

11. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Thế H, Trần Anh H, Lại Quốc V, Trịnh Việt T, Đinh Văn H (tức Đinh Minh T), Nguyễn Đức A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phan Hồng Q. Bị cáo Trịnh Việt T, Đinh Văn H (tức Đinh Minh T) mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

12. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bảo sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Bị cáo; Bị hại;
- Đại diện bị cáo Phan Hồng Q;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan điều tra – CA Tân Lạc;
- Cơ quan THA hình sự - CA Tân Lạc;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn